

Bản án số: 84/2019/DS-PT
Ngày: 05 tháng 9 năm 2019
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2019/QĐ-PT ngày 24/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐ-PT ngày 09/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2019/QĐ-PT ngày 30/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp Đ, xã H, thành phố R, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà T là anh em ruột, cha ông chết từ lâu, mẹ ông là bà Nguyễn Thị H chết năm 2012. Nguồn gốc thửa đất số 322, tờ bản đồ số 27, xã R là do ông nhận chuyển nhượng của người khác, ông để cho mẹ là bà H đứng tên. Lúc còn sống bà H đã giao lại cho ông bằng biên bản họp gia đình, biên bản được

Ủy ban nhân dân xã R chứng thực. Nghĩ rằng biên bản họp gia đình có chứng thực của địa phương là có giá trị pháp lý nên ông không chuyển quyền sang cho ông đứng tên. Sau khi bà H chết, ông chuyển hộ khẩu về sống tại nhà bà Hai, thủ tục chuyển hộ khẩu cần phải có chủ quyền đất nên ông mới làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, lúc này Văn phòng công chứng yêu cầu phải có chữ ký của bà T mới làm thủ tục công chứng chuyển quyền, bà T buộc ông phải giao số tiền 200.000.000đ bà T mới đồng ý ký tên chuyển quyền sử dụng đất cho ông, do bị ép buộc ông phải vay tiền giao cho bà Bình. Quyền sử dụng đất là của ông, bà H chỉ là người đứng tên, ông được mẹ giao lại trước khi mẹ chết nên không còn liên quan gì đến bà Bình, bà Tyêu cầu ông phải giao số tiền 200.000.000đ là không đúng. Nay ông yêu cầu bà T phải giao trả lại cho ông số tiền 200.000.000đ đã nhận.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Cha bà là ông Nguyễn Văn Vinh đã chết từ lâu và mẹ bà là bà Nguyễn Thị H chết năm 2012. Cha, mẹ bà có 02 con chung là bà và ông Nguyễn Văn H. Cha, mẹ bà có quyền sử dụng đất thửa số 322 tờ bản đồ số 27 tại xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B do mẹ bà đứng tên, mẹ bà chết không để lại di chúc. Ông H muốn hưởng toàn bộ di sản của mẹ nên tự ra Văn phòng công chứng sang tên, Văn phòng Công chứng không chấp nhận nên ông H thỏa thuận với bà phân chia di sản của mẹ, ông H chấp nhận giao cho bà số tiền 200.000.000đ để bà giao toàn bộ quyền sử dụng đất của mẹ cho ông H. Bà chấp nhận ký tên và ông H đã được chuyển quyền đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất của cha, mẹ. Số tiền 200.000.000đ là tiền thỏa thuận phân chia di sản của mẹ, bà không vay, không mượn tiền của ông H nên không chấp nhận yêu cầu của ông Hòa. Trước đây mẹ bà sống chung nhà với ông H nhưng ông H lại cho mẹ ăn riêng không quan tâm lo lắng phụng dưỡng mẹ, ông H từng ngược đãi mẹ gây thương tích, bà phải đưa mẹ về Long Tân sống cùng để dưỡng bệnh cho đến khi mẹ cuối đời. Bà xác nhận bà và mẹ bà có ký vào tờ giấy tay biên bản họp gia đình do ông H cung cấp, do bị ông H ép buộc phải ký nếu không thì sẽ bị ông H ngược đãi, nội dung chỉ ủy quyền chứ không chuyển quyền cho ông Hòa.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh B trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị T, ông biết việc giao nhận tiền 200.000.000đ là sự thỏa thuận phân chia di sản của mẹ giữa bà T với ông Hòa, nay xảy ra tranh chấp giữa hai anh em thì ông không có ý kiến, mọi vấn đề do bà T quyết định, ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T giao trả số tiền là 200.000.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 25/4/2019 ông Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T trả lại cho ông H 200.000.000đ và lãi suất theo lãi suất Ngân hàng tính từ ngày 25/01/2019 đến ngày xét xử.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, rút một

phản kháng cáo về yêu cầu tính lãi. Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm ông H rút một phần kháng cáo về yêu cầu tính lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng, căn cứ vào Điều 312 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung yêu cầu tính lãi suất của ông Hòa.

Đối với nội dung yêu cầu buộc bà T trả số tiền 200.000.000 đồng thì thấy: Nguyên đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 322 tờ bản đồ số 27 xã R, thành phố Bà Rịa là của ông H nhận chuyển nhượng của người khác nhưng để cho bà H đứng tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không chứng minh được thửa đất số 322 là tài sản của ông Hòa.

Ngày 12/7/2006, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T đã ký kết "Biên bản hợp gia đình" có xác nhận của UBND xã Hòa Long có nội dung: Bà Nguyễn Thị H đứng tên trên GCNQSD đất số B thửa 322, tờ bản đồ 27, diện tích 910m² xã Hòa Long, nay già yếu nên giao cho con Nguyễn Văn H được toàn quyền định đoạt, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố, tặng cho, sang nhượng. Tuy nhiên, trong thời gian bà H còn sống ông H không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ bà H sang cho ông Hòa. Sau khi bà H chết vào năm 2012, ông H cho rằng để tiến hành thủ tục sang tên cho ông H thửa đất 322, ông H bị ép buộc giao cho bà T số tiền 200.000.000 đồng để bà T ký giấy cho ông H hoàn thiện thủ tục sang tên đất cho ông Hòa. Căn cứ vào "Giấy cam kết nhận tiền" ngày 25/01/2019 có nội dung: Bà T nhận của ông H số tiền 200.000.000 đồng, lý do chia di sản thừa đất số 322 tờ bản đồ 27. Xét thấy, việc các đương sự tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là phù hợp với quy định tại Điều 656, Điều 660 BLDS năm 2015; việc thỏa thuận này đã thay thế cho "Biên bản hợp gia đình" ngày 12/7/2006. Như vậy, việc chia di sản đã hoàn thành, ông H không có căn cứ chứng minh bị ép buộc đưa tiền cho bà T nên bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông H về việc đòi bà T số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hòa.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông H:

- Về khoản yêu cầu bà T trả tiền lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H rút kháng cáo đối với khoản yêu cầu bà T trả tiền lãi, do vậy đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này.

- Xét yêu cầu bà T trả khoản tiền 200.000.000đ: Ngày 12/7/2006 bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T có Biên bản hợp gia đình nội dung

bà H đã già yếu nên giao toàn bộ tài sản cho ông H được toàn quyền định đoạt, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố, tặng cho, sang nhượng quyền sử dụng đất diện tích 910m² thửa 322, tờ bản đồ số 27, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa. Ông H xác định tài sản này là của ông nhờ bà H đứng tên nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Tại giấy bán đất đề ngày 02/8/1985 ghi bên bán đất là ông Trần Văn Y, bên mua đất là ông Nguyễn Văn H, giấy viết tay có ký tên Trần Văn Y và Nguyễn Văn H, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị H. Bà T không thừa nhận quyền sử dụng đất là của ông H trước khi bà T ký đồng ý sang tên cho ông Hòa, do vậy không đủ căn cứ xác định quyền sử dụng đất là của ông H trước khi bà T ký xác nhận sang tên cho ông Hòa.

Theo ông H thì vào tháng 01/2019 để thực hiện thủ tục ông đứng tên quyền sử dụng đất thì phải có ký xác nhận của bà T mới sang tên cho ông H được, bà T đã ép buộc ông phải đưa 200.000.000đ mới ký tên và ông đã đưa cho bà T 200.000.000đ, bà T ký tên và ông H đã sang tên quyền sử dụng đất cho ông. Theo bà T thì bà không ép buộc ông H giao tiền, việc ông H giao tiền là do tự nguyện vì tài sản do mẹ để lại chưa chia nên bà và ông H thỏa thuận ông H giao tiền cho bà và ông H được quyền sử dụng đất do mẹ để lại. Ông H không chứng minh được việc bà T ép buộc ông giao tiền cho bà T. Do vậy xác định việc giao tiền của ông H cho bà T là tự nguyện thỏa thuận của ông H và bà T, theo đó bà T ký đồng ý để ông H được đứng tên quyền sử dụng đất và ông H đồng ý giao cho bà T 200.000.000đ. Không có căn cứ xác định thỏa thuận về việc bà T ký sang tên quyền sử dụng đất cho ông H và ông H giao 200.000.000đ cho bà T là trái pháp luật và đạo đức xã hội nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Không chấp nhận kháng cáo của ông H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DSST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị T về khoản tiền lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T giao trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 10.000.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ theo biên lai thu số 0006148 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông H còn phải nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0009603 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông H đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Đất Đỏ;
- TAND H. Đất Đỏ;
- Chi cục THADS H. Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Văn Tâm